TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LÁT** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST Ngày 24-10-2019 V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Bình

2. Bà Hà Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn phú – Kiểm sát viên.

Ngày 24/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị N, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2000

Trú tại: Bản Pa Búa, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vàng A C, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2001

Trú tại: Bản Sài Khao, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang theo học tại: Trường Cao đẳng Nông Lâm Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai đề ngày 02/8/2019 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn Giàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vàng A C tự do tìm hiểu, yêu đương, không bị ai ép buộc, hai người hoàn toàn tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của người dân tộc Mông tại địa phương vào đầu tháng 11/2017, nhưng đến ngày 19/01/2018 anh chị mới chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn do anh Vàng A C chưa đủ tuổi. Cưới xong, vợ chồng ở với gia đình nhà chồng, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 02/2018 thì chị có bầu (mang thai) trong khi mang thai thì anh C không quan tâm đến chị; Tháng

8/2018 anh Vàng A C đi học chuyên nghiệp tại Trường Cao đẳng Nông Lâm Thanh Hóa. Trong thời gian sau đó thì anh C thường lên Facebook gọi điện và tỏ tình với nhiều người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng thường cải vả nhau, thường xuyên chửi bới và dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, không ai chịu nhường nhịn ai; Chị đã phải về nhà bố mẹ đẻ ở bản Pa Búa, xã Trung Lý xin ở nhờ, trong thời gian chị sống ở đây, chị sinh con nhưng anh C vẫn không hỏi han và thăm nom gì hai mẹ con, từ đó hai vợ chồng sống ly thân nhau. Nhiều lần được hai bên gia đình động viên, nhắc nhở, khuyên bảo nhưng anh C không nghe. Mặc dù hai bên rất cố gắng để thay đổi nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Chị thấy cuộc sống vợ chồng bây giờ không thể cải thiện được nữa, chị không còn tình cảm với anh C nữa và chị cảm nhận được là anh C cũng không còn tình cảm với chị. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc nuôi dạy con cái trưởng thành nhưng không đạt được, mong Tòa án xem xét cho hai người chấm dứt mối quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng có 01 con chung, tên các cháu là: Vàng Thị N, sinh ngày 16/11/2018, hiện cháu đang còn quá nhỏ, hiện cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Nguyên vọng của chị là muốn trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu Vàng Thị N cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh Vàng A C đóng góp phí tổn nuôi con chung, vì anh C đang còn đi học, chưa có thu nhập. Khi có yêu cầu, chị sẽ yêu cầu ở vụ án khác.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Tại tự khai và quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn Vàng A C trình bày:

Về Hôn nhân: Anh đã được nhận đơn khởi kiện và bản tự khai của chị Giàng Thị N, anh thấy chị Giàng Thị N trình bày là đúng hoàn toàn sự thật. Chỉ có việc mâu thuẫn thì anh cho rằng không trầm trọng như chị N đã trình bày. Tuy nhiên nguyện vọng của anh C là không muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng với chị N, mà muốn chị N quay về để chung sống với nhau và khi đủ tuổi sẽ đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì anh vẫn còn yêu thương vợ. Mong Tòa án xem xét. Nếu chị N nhất quyết đòi ly hôn thì anh yêu cầu chị N phải trả lại cho anh số tiền thách cưới, tiền làm cơm (hay còn gọi là Tiền cá) để tổ chức đám cưới là 30.000.000^{đ} (Ba mươi triệu đồng) và 3.000.000^{đ} (ba triệu đồng) tiền chị N làm vỡ điện thoại của anh, thì anh sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nôi con: Anh đồng ý với trình bày của chị N, anh chị có 01 con chung, tên các cháu là: Vàng Thị N, sinh ngày 16/11/2018, do cháu đang còn nhỏ, nên hiện đang ở với mẹ, tại bản Pa Búa, xã Trung Lý. Quá trình giải quyết vụ án thì anh yêu cầu được là người trực tiếp nuôi con và chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000^{đ}. Nhưng tại phiên tòa anh C đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị Na là người trực tiếp nuôi con chung

cho đến khi cháu trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Khi nào có điều kiện anh sẽ đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con ở vụ án khác.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Giàng Thị N và anh Vàng A C chung sống với nhau như vợ chồng khi chưa đủ tuổi kết hôn là hành vi "tảo hôn", vi phạm khoản 8 điều 3; điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Vì vậy, đề nghị HĐXX, Buộc chị Giàng Thị N và anh Vàng A C phải chấm dứt ngay quan hệ Hôn nhân và Gia đình (không chung sống như vợ chồng); Đồng thời có kiến nghị đến Cơ quan, cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý hành vi Tảo hôn của chị N và anh C. Về con chung: Cháu Vàng Thị N chưa đủ 36 tháng tuổi, nên đề nghị HĐXX căn cứ điều 15 và khoản 3 điều 81 Luật HNGĐ năm 2014, giao cháu Vàng Thị N cho chị Giàng Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, anh Vàng A C có quyền đi lại thăm non con chung, chị Giàng Thị N không được ngăn cấm, cản trở. Anh Vàng A C không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ nần chung: Không giải quyết. Về án phí: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ điều 28, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án này.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là "Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn". Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Giàng Thị N là nguyên đơn, anh Vàng A C là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Về người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, thì người tiến hành luôn tiến hành đầy đủ các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm: Thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu cung cấp lời khai; lấy lời khai; xác minh tình trạng hôn nhân; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ..... theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đã tống đạt đầy đủ, đúng thời gian các thủ tục tố tụng cho người tham gia tố tụng. Về người tham gia tố tụng: Các đương sự luôn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

[4] Về Hôn nhân: Chị Giàng Thị N và anh Vàng A C được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào đầu tháng 11/2017, theo phong tục tập quán của người H'Mông, đến ngày 19/01/2018 chính thức chung sống với nhau như vợ chồng.

Trong thời quá trình chung sống và đến nay anh chị không đăng ký kết hôn, do anh Vàng A C chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, hiện nay anh chị đã sống ly thân và chị Giàng Thị N không có thai nghén. Đối chiếu với quy định pháp luật thấy rằng: Tại điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu luật cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.*

Chị Giàng Thị N và anh Vàng A C được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của người dân tộc thiểu số (H'Mông) và chung sống như vợ chồng với nhau từ ngày 19/01/2018 trên cơ sở tự nguyện (Lúc này chị Giàng Thị N là 17 tuổi 9 tháng 25 ngày, anh Vàng A C là 16 tuổi 01 tháng 07 ngày). Như vậy, anh chị đã "Tảo hôn" vì đã vi phạm các điều kiện kết hôn. (Nhìn chung, vì phong tục, tập quán lạc hậu của người H'Mông tại huyện Mường Lát đều "Tảo hôn" là rất nhiều, hơn nữa chị Giàng Thị N và anh Vàng A C đến với nhau hoàn toàn tự nguyện, 02 người đã trên 16 tuổi nên không vi phạm trách nhiệm hình sự và không ai đề nghị xem xét). Hiện tại, chị Giàng Thị N đã đủ tuổi đăng ký kết hôn, nhưng anh C chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Như vậy, chị Giàng Thị N và anh Vàng A C đã vi phạm quy định tại điểm a, khoản 1 điều 8; điều 9 và điều 14 Luật Hôn nhân Gia đình. Nay chị N và anh C có mâu thuẫn và chị Giàng Thị N xin chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh Vàng A C là phù hợp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị HĐXX buộc chị Giàng Thị N và anh Vàng A C phải chấm dứt mối quan hệ vợ chồng. Nên Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị N và anh Vàng A C. Buộc chị Giàng Thị N và anh Vàng A C phải chấm dứt việc chung sống với nhau như vợ chồng.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống thì anh chị có 01 con chung, tên cháu là Vàng Thị N, sinh ngày 16/11/2018, hiện cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Chị Giàng Thị N yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, anh Vàng A C cũng đồng ý; Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa cũng đề nghị giao cháu Vàng Thị N cho chị Giàng Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Vàng Thị N, sinh ngày 16/11/2018 cho chị Giàng Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Anh Vàng A C có quyền đi lại thăm nom con chung, chị Giàng Thị N không được ngăn cấm cản trở. Giành quyền khởi kiện cho anh Giàng A C về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Giàng Thị N không yêu cầu nên không giải quyết. Giành quyền khởi kiện về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Giàng Thị N khi thấy cần thiết và có căn cứ pháp luật.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 24, khoản 7 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Giàng Thị Na phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

[9] Các nhận định khác và Kiến nghị:

Đơi với yêu cầu của anh Vàng A C về việc anh Vàng A C yêu cầu chị Giàng Thị N phải trả lại tiền thách cưới, tiền làm cơm đám cưới là 30.000.000^{đ} (Ba mươi triệu đồng) và 3.000.000^{đ} (Ba triệu đồng) chị N làm vỡ điện thoại của anh, thì Hội đồng xét xử không chấp nhận, vì không có cơ sở pháp lý.

Việc chị Giàng Thị N và anh Vàng A Ch chung sống với nhau như vợ chồng, khi chị Giàng Thị N và anh Vàng A C chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn (Tảo hôn), nhưng gia đình hai bên vẫn tổ chức đám cưới và về chung sống với nhau như vợ chồng trong một thời gian dài, như vậy là đã vi phạm pháp luật về Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử đề nghị Ủy ban nhân dân xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xem xét, xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, điều 35, điều 68, điều 266, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282, điều 372 Bộ luật dân sự;

Điều 8, điều 9, điều 11, điều 14, khoản 2 điều 53, điều 58, khoản 3 điều 81, điều 83, điều 84, điều 88 Luật HN&GĐ năm 2015;

Điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X;

Khoản 1 điều 24, khoản 7 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về Hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị N và anh Vàng A C. Buộc chị Giàng Thị N và anh Vàng A C phải chấm dứt việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng, kể từ ngày tuyên án.

2. Về con chung: Giao cháu Vàng Thị N, sinh ngày 16/11/2018 cho chị Giàng Thị N là người trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, hiện cháu phát triển bình thường về trí lực và thể lực. Anh Vàng A C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm cản trở. Anh Vàng A C có

quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con khi thấy cần thiết và có căn cứ pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vàng A C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Giành quyền khởi kiện về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Giàng Thị N khi thấy cần thiết và có căn cứ pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ nần chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị Giàng Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Giàng Thị N đã nộp ngày 06/8/2019 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/000921 của Chi cục THADS huyện Mường Lát.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Mường Lý, H. Mường Lát, T.Hóa;
- Nguyên đơn Giàng Thị N;
- Bị đơn Vàng A C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Dũng